



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký Doanh nghiệp số

0200167782

ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 8 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quốc Dũng
Ông Noboru Kobayashi
Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Ngọc Bảo
Ông Nguyễn Việt Phương
Ông Đào Anh Thắng

Chủ tịch
Phó chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Nhật Ninh
Bà Ngô Thị Thu Thủy
Ông Nguyễn Văn Thúc
Ông Trần Ngọc Bảo

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
Phó Tổng Giám đốc Sản xuất
Phó Tổng Giám đốc Nội chính
Phó Tổng Giám đốc Tài chính
(từ ngày 23/9/2022)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Đào Anh Thắng
Ông Nguyễn Việt Phương

Trưởng Ban
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 2 An Đà
Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, **23-03-2023**



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23-03-2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00154-23-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **23-03-2023**

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2019-007-1

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.075.796.747.433	2.721.738.069.056
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	167.926.602.716	142.541.519.801
Tiền	111		127.873.999.976	142.541.519.801
Các khoản tương đương tiền	112		40.052.602.740	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		432.857.808.219	700.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	432.857.808.219	700.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		890.889.388.815	785.380.028.271
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	866.425.088.081	790.361.564.540
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	73.350.864.092	40.938.576.777
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	15.461.572.866
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	13.201.215.478	18.812.535.519
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(62.087.778.836)	(80.194.221.431)
Hàng tồn kho	140	10	1.535.149.437.534	1.081.529.963.899
Hàng tồn kho	141		1.538.861.573.575	1.084.976.323.019
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.712.136.041)	(3.446.359.120)
Tài sản ngắn hạn khác	150		48.973.510.149	12.286.557.085
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.681.337.593	5.135.108.112
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35.878.430.549	6.730.399.749
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		413.742.007	421.049.224

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiệu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.988.040.342.651	2.176.459.992.881
Tài sản cố định	220		1.410.746.940.838	1.463.914.085.124
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.403.427.508.608	1.456.309.209.920
<i>Nguyên giá</i>	222		3.062.315.499.643	2.966.977.974.550
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.658.887.991.035)	(1.510.668.764.630)
Tài sản cố định vô hình	227	12	7.319.432.230	7.604.875.204
<i>Nguyên giá</i>	228		16.966.399.107	16.966.399.107
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.646.966.877)	(9.361.523.903)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.679.749.912	36.506.524.504
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	8.679.749.912	36.506.524.504
Đầu tư tài chính dài hạn	250		424.164.579.920	549.780.086.115
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	329.539.391.320	305.154.897.515
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	95.960.188.600	95.960.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(1.335.000.000)	(1.335.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	-	150.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		144.449.071.981	126.259.297.138
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	143.187.441.487	124.710.234.388
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	1.261.630.494	1.549.062.750
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.063.837.090.084	4.898.198.061.937



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiệu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.233.019.745.258	2.190.220.357.037
Nợ ngắn hạn	310		2.233.019.745.258	2.173.499.759.514
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	287.076.377.670	232.932.824.035
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	44.233.927.436	97.609.735.132
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	18	30.549.531.968	62.082.103.645
Phải trả người lao động	314		60.722.160.180	66.258.780.784
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	65.771.331.043	110.327.253.299
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	39.597.874.952	9.013.077.859
Vay ngắn hạn	320	21(a)	1.699.309.871.727	1.593.961.329.934
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	5.758.670.282	1.314.654.826
Nợ dài hạn	330		-	16.720.597.523
Vay dài hạn	338	21(b)	-	16.720.597.523
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.830.817.344.826	2.707.977.704.900
Vốn chủ sở hữu	410	23	2.830.817.344.826	2.707.977.704.900
Vốn cổ phần	411	24	1.295.753.340.000	1.177.961.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.295.753.340.000	1.177.961.830.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	1.023.163.062.043	1.034.576.932.192
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		511.900.942.783	495.438.942.708
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		256.724.220.151	234.373.568.296
- LNST năm nay	421b		255.176.722.632	261.065.374.412
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.063.837.090.084	4.898.198.061.937

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

23-03-2023

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	28	5.833.535.613.193	4.995.476.207.069
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	148.423.196.426	171.951.644.851
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	28	5.685.112.416.767	4.823.524.562.218
Giá vốn hàng bán	11	29	4.294.534.288.942	3.682.609.246.256
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.390.578.127.825	1.140.915.315.962
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	64.386.895.488	44.815.376.152
Chi phí tài chính	22	31	141.933.492.971	75.814.295.391
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		78.639.277.456	41.404.493.800
Phần lãi trong công ty liên kết	24	5(b)	24.384.493.805	22.573.855.212
Chi phí bán hàng	25	32	620.367.663.869	437.437.678.262
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	154.378.233.969	137.179.719.745
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		562.670.126.309	557.872.853.928
Thu nhập khác	31		3.907.435.527	12.475.055.033
Chi phí khác	32		2.097.978.928	19.313.074.324
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.809.456.599	(6.838.019.291)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		564.479.582.908	551.034.834.637
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	84.652.427.020	83.330.178.645
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	35	287.432.256	(54.992.920)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		479.539.723.632	467.759.648.912

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Lãi trên cổ phiếu				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	3.349	3.269

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

23-03-2023

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	564.479.582.908	551.034.834.637
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	158.563.557.791	153.123.376.265
Các khoản dự phòng	03	(1.340.971.740)	(27.666.431)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.125.133.983	929.513.027
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(78.596.329.564)	(68.098.722.275)
Chi phí lãi vay	06	78.639.277.456	41.404.493.800
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	727.870.250.834	678.365.829.023
Biến động các khoản phải thu	09	(154.647.463.307)	29.715.243.845
Biến động hàng tồn kho	10	(453.885.250.556)	(437.380.360.998)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(8.470.003.961)	205.839.204.254
Biến động chi phí trả trước	12	(17.532.841.564)	4.231.083.937
		93.334.691.446	480.771.000.061
Tiền lãi vay đã trả	14	(75.448.956.761)	(41.344.651.100)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(93.735.496.338)	(70.395.757.998)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(40.096.884.250)	(53.960.077.703)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(115.946.645.903)	315.070.513.260
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(107.308.155.481)	(92.181.677.991)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.026.987.069	4.914.545.455
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	23	(838.272.602.739)	(1.303.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	24	1.255.414.794.520	603.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	59.520.687.278	32.588.301.029
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	370.381.710.647	(754.678.831.507)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	4.618.066.332.386	3.563.854.982.297
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.534.823.775.266)	(2.899.385.108.245)
Tiền trả cổ tức	36	(312.159.184.000)	(294.490.457.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(228.916.626.880)	369.979.416.552
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	25.518.437.864	(69.628.901.695)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	142.541.519.801	212.170.457.483
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(133.354.949)	(35.987)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	167.926.602.716	142.541.519.801

Người lập:



Luu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính




Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

23-03-2023

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 8 năm 2022.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Trong năm, các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d)

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có 2 công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	31/12/2022		1/1/2022	
				Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty con							
1	Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp	Lô C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (i)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và kinh doanh vận tải, các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp	Số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	100%	100%	100%	100%

(i)

Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (“Bất động sản Tiền Phong”) được thành lập ngày 18 tháng 5 năm 2015. Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiền Phong. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty và các công ty con có 1.361 nhân viên (1/1/2022: 1.356 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiệu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của những công ty này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của Công ty trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính...).

Khi phân lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại công ty liên kết.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty hoặc công ty con có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng trong vòng từ 27 đến 45 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 38 tháng.

(iii) Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 27 đến 44 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty. Toàn bộ các hợp đồng thuê của Công ty và các công ty con là thuê hoạt động.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải. Bộ phận chia theo vùng địa lý của Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	866.043.599	436.319.978
Tiền gửi ngân hàng	127.007.956.377	142.105.199.823
Các khoản tương đương tiền	40.052.602.740	-
	<hr/>	<hr/>
	167.926.602.716	142.541.519.801
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiệu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
5. Các khoản đầu tư tài chính				
(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)		432.857.808.219		700.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	-	-	15.000	150.000.000.000 (*)

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm từ 5,7% đến 10% (1/1/2022: từ 4,9% đến 5,4%). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

(ii) Các trái phiếu này hưởng lãi suất năm là 7%. Trong đó, 10.000 trái phiếu đáo hạn vào ngày 14 tháng 11 năm 2027 và 5.000 trái phiếu đáo hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2027. Trong năm, Công ty đã bán trước hạn toàn bộ số trái phiếu này.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	31/12/2022		1/1/2022	
					Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong phía Nam (i)	Bình Dương	12.218.580	27,39%	27,39%	317.947.454.809	293.744.262.068	(*)	
Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong (ii)	Hải Phòng	499.775	49,98%	49,98%	11.591.936.511	11.410.635.447	(*)	
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiên Phong – SMP (iii)	CHDCND Lào		51%	51%	-	-	(*)	
					<u>329.539.391.320</u>	<u>305.154.897.515</u>		

(i) Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đông An II, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.

(ii) Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.

(iii) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiên Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong.

Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phân ánh khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết và thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã ghi giảm giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào Công ty NTP-SMP tới bằng không trên báo cáo tài chính hợp nhất từ những năm trước.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	305.154.897.515	282.581.042.303
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24.384.493.805	22.573.855.212
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền Phong phía Nam	24.203.192.741	22.635.513.712
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	181.301.064	(61.658.500)
Số dư cuối năm	329.539.391.320	305.154.897.515

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	31/12/2022		1/1/2022	
				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (i)	4.632.086	13,50%	13,50%	46.784.068.600	-	46.784.068.600	-
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	1.800.000	1,80%	1,80%	41.400.000.000	-	41.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong	396.000	17,39%	17,39%	5.148.000.000	-	5.148.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	56.406	4,80%	4,80%	1.128.120.000	-	1.128.120.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	150.000	1,11%	1,11%	1.500.000.000 (1.335.000.000)	-	1.500.000.000 (1.335.000.000)	-
				95.960.188.600 (1.335.000.000)		95.960.188.600 (1.335.000.000)	

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 21).
- (* Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	375.340.672.512	507.775.042.229
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (i)	63.407.039.363	98.249.573.848
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (ii)	1.964.613.471	1.264.458.136
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết (i)	15.228.000	12.562.000
Bên khác		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	235.916.348.895	97.208.674.112
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	73.620.158.733	68.276.461.099
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	65.474.372.304	-
IPLEX PIPELINENZ L.T.D	18.888.932.956	4.068.926.248
Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa	16.935.150.960	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Nam Phương	11.642.880.145	-
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	-	9.586.805.530
Các khách hàng khác	3.219.690.742	3.919.061.338
	866.425.088.081	790.361.564.540

- (i) Các khoản phải thu này không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.
- (ii) Khoản phải thu thương mại đối với Công ty TNHH Sekisui Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 805.253 triệu VND (1/1/2022: 701.869 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	2.432.858.181	5.940.080.065
Bên khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	17.325.655.600	-
Công ty TNHH CT - Wearnes Việt Nam	12.000.000.000	-
Công ty TNHH Eplas	10.282.845.424	-
Công ty TNHH Công nghệ Hoá nhựa Bông Sen	4.333.829.379	9.375.659.443
Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị PNT	3.841.482.876	3.879.453.011
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	3.195.238.962	2.356.640.000
Công ty Cổ phần Van Vina	1.832.624.420	3.256.193.160
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Điện nước Anh Quân	-	4.181.100.000
Các nhà cung cấp khác	18.106.329.250	11.949.451.098
	73.350.864.092	40.938.576.777

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Phải thu tiền lãi	6.698.108.881	10.833.561.647
Tạm ứng	4.322.845.817	5.300.636.207
Đặt cọc	1.588.000.000	2.378.000.000
Phải thu khác	592.260.780	300.337.665
	13.201.215.478	18.812.535.519

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2022		1/1/2022		Giá trị có thể thu hồi VND
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Nợ quá hạn					
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-	-
Công ty TNHH Vi Nam	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-	-
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Trên 2 năm đến trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-	204.418.961
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty	Trên 3 năm	63.407.039.363	(59.738.819.632)	3.668.219.731	20.404.311.621
Đối tượng khác	Trên 3 năm	203.536.476	(203.536.476)	-	-
		<u>65.755.998.567</u>	<u>(62.087.778.836)</u>	<u>3.668.219.731</u>	<u>20.608.730.582</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(80.194.221.431)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	108.029.668.546	-	70.112.842.476	-
Nguyên vật liệu	1.036.383.754.047	(3.712.136.041)	652.728.064.812	(3.446.359.120)
Công cụ và dụng cụ	10.180.798.618	-	9.121.939.149	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	61.805.061.409	-	64.834.699.771	-
Thành phẩm	322.361.315.012	-	288.077.800.868	-
Hàng hóa	100.975.943	-	100.975.943	-
	1.538.861.573.575	(3.712.136.041)	1.084.976.323.019	(3.446.359.120)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.645.920.120.215	1.133.071.573.022	170.246.660.554	17.739.620.759	2.966.977.974.550
Tăng trong năm	-	40.377.697.502	4.986.269.377	280.600.000	45.644.566.879
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	43.910.328.350	10.883.655.526	1.732.967.166	-	56.526.951.042
Phân loại lại	(2.553.010.825)	-	2.553.010.825	-	-
Thanh lý	(894.057.219)	(4.153.115.323)	(1.691.614.286)	(95.206.000)	(6.833.992.828)
Số dư cuối năm	1.686.383.380.521	1.180.179.810.727	177.827.293.636	17.925.014.759	3.062.315.499.643
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	610.585.656.963	766.641.891.447	116.407.194.735	17.034.021.485	1.510.668.764.630
Khấu hao trong năm	80.435.216.333	60.967.475.330	12.923.892.573	287.968.309	154.614.552.545
Phân loại lại	(74.124.326)	-	74.124.326	-	-
Thanh lý	(894.057.219)	(3.714.448.635)	(1.691.614.286)	(95.206.000)	(6.395.326.140)
Số dư cuối năm	690.052.691.751	823.894.918.142	127.713.597.348	17.226.783.794	1.658.887.991.035
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.035.334.463.252	366.429.681.575	53.839.465.819	705.599.274	1.456.309.209.920
Số dư cuối năm	996.330.688.770	356.284.892.585	50.113.696.288	698.230.965	1.403.427.508.608

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có tài sản có nguyên giá 634.293 triệu VND (1/1/2022: 593.243 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 363.546 triệu VND (1/1/2022: 748.165 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 21).



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm và cuối năm	7.105.350.000	153.400.000	2.501.022.223	7.206.626.884	16.966.399.107
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	153.400.000	2.501.022.223	6.707.101.680	9.361.523.903
Khấu hao trong năm	-	-	-	285.442.974	285.442.974
Số dư cuối năm	-	153.400.000	2.501.022.223	6.992.544.654	9.646.966.877
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	7.105.350.000	-	-	499.525.204	7.604.875.204
Số dư cuối năm	7.105.350.000	-	-	214.082.230	7.319.432.230

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.654 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	36.506.524.504	89.105.990.601
Tăng trong năm	42.616.052.872	80.850.282.259
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(56.526.951.042)	(133.380.209.879)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(12.154.157.288)	-
Khác	(1.761.719.134)	(69.538.477)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.679.749.912	36.506.524.504
	<hr/>	<hr/>
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Dự án nhà máy sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo	6.505.776.519	-
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	2.173.973.393	23.850.632.324
Dự án số 2 An Đà	-	12.655.892.180
	<hr/>	<hr/>
	8.679.749.912	36.506.524.504
	<hr/>	<hr/>

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	111.239.214.569	4.996.025.835	8.474.993.984	124.710.234.388
Tăng trong năm	-	5.021.200.967	20.980.213.670	26.001.414.637
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	12.154.157.288	12.154.157.288
Phân bổ trong năm	(3.663.562.272)	(5.455.578.181)	(10.559.224.373)	(19.678.364.826)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	107.575.652.297	4.561.648.621	31.050.140.569	143.187.441.487
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Lợi nhuận chưa thực hiện trong tài sản cố định hữu hình	20%	1.261.630.494	1.549.062.750

16. Phải trả người bán ngắn hạn**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	46.962.939.960	90.829.495.680
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	50.223.323.676	43.722.349.648
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	4.927.811.613	1.997.604.554
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	338.576.590	205.906.250
Bên khác		
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	68.523.416.669	3.192.395.448
Tricon Energy Ltd	37.395.864.000	-
Hyosung Chemical Corporation	25.016.785.200	12.870.054.000
PT Asahimas Chemical	18.361.728.000	-
Borouge Pte Ltd.	14.951.425.500	8.274.494.250
Marubeni Corporation	-	24.600.591.540
SCG Chemicals Co., Ltd.	-	17.729.250.000
Công ty TNHH Đầu tư Huyền Trang	-	8.021.597.200
Các nhà cung cấp khác	20.374.506.462	21.489.085.465
	287.076.377.670	232.932.824.035

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 – 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty và các công ty con không có nợ quá hạn chưa thanh toán (1/1/2022: Không).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	1.707.234.129	16.555.985.810
Công ty TNHH Tam Phước	39.813.326.780	78.474.963.435
Công ty TNHH Thương mại Hà Dung	1.187.908.308	938.132.491
Các khách hàng khác	1.525.458.219	1.640.653.396
	<hr/>	
	44.233.927.436	97.609.735.132
	<hr/>	

18. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	29.973.013.667	445.581.277.854	(475.545.745.205)	8.546.316
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	193.716.727.198	(193.716.727.198)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.690.056.269	84.652.427.020	(93.735.496.338)	11.606.986.951
Thuế thu nhập cá nhân	11.063.597.533	26.672.309.895	(19.157.344.903)	18.578.562.525
Tiền thuê đất	-	6.017.472.100	(6.017.472.100)	-
Thuế nhập khẩu	355.436.176	17.832.034.374	(17.832.034.374)	355.436.176
Thuế khác	-	25.501.748	(25.501.748)	-
	<hr/>			
	62.082.103.645	774.497.750.189	(806.030.321.866)	30.549.531.968
	<hr/>			

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Lãi vay phải trả	5.042.571.295	1.852.250.600
Chiết khấu, bồi khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	25.733.193.044	77.572.460.579
Chi phí vận chuyển	8.162.685.858	8.485.979.645
Chi phí thuê đất	12.612.990.373	9.443.036.249
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	9.417.320.861	2.678.000.000
Chi phí phải trả khác	4.802.569.612	10.295.526.226
	<hr/>	<hr/>
	65.771.331.043	110.327.253.299
	<hr/>	<hr/>

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu		
Tổng hợp liên quan đến nguyên vật liệu đi vay	31.402.000.000	-
Nhận đặt cọc ngắn hạn	5.954.600.177	6.298.984.177
Kinh phí công đoàn	801.881.138	1.682.763.196
Các khoản phải trả khác	1.439.393.637	1.031.330.486
	<hr/>	<hr/>
	39.597.874.952	9.013.077.859
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2022		Biến động trong năm		31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	1.575.224.726.306	4.618.066.332.386	(4.510.750.882.064)	5.385.387.150	1.687.925.563.778	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21(b))	18.736.603.628	14.052.452.743	(21.404.748.422)	-	11.384.307.949	
	1.593.961.329.934	4.632.118.785.129	(4.532.155.630.486)	5.385.387.150	1.699.309.871.727	

Vay ngắn hạn bao gồm:

- các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 7,0% đến 9,5% (2021: từ 2,9% đến 4,1%); và
- các khoản vay ngân hàng bằng Đô la Mỹ, chịu lãi suất năm 4,9% (2021: 2,0% đến 2,3%).

Tại ngày báo cáo, các khoản vay ngắn hạn có giá trị ghi sổ 948.205 triệu VND (1/1/2022: 959.856 triệu VND) được đảm bảo bằng các tài sản như được trình bày tại Thuyết minh 21(b). Các khoản vay ngắn hạn còn lại không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay dài hạn	11.384.307.949	35.457.201.151
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 21(a))	(11.384.307.949)	(18.736.603.628)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	16.720.597.523

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 5,9% đến 8,6% (2021: từ 4,0% đến 5,45%) và có thời gian đáo hạn từ năm 2022 đến năm 2023.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn còn số dư được đảm bảo bằng các tài sản như sau:

- khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 46.784 triệu VND (Thuyết minh 5(c));
- các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 805.253 triệu VND (1/1/2022: 701.869 triệu VND) (Thuyết minh 6); và
- tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 363.546 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 748.165 triệu VND) (Thuyết minh 11).

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	1.314.654.826	694.709.063
Trích lập trong năm	14.540.899.706	23.580.023.466
Tạm ứng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (*)	30.000.000.000	30.000.000.000
Sử dụng trong năm	(40.096.884.250)	(52.960.077.703)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.758.670.282	1.314.654.826

- (*) Trong cuộc họp vào ngày 30 tháng 9 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 30.000 triệu VND để cho mục đích phục vụ các hoạt động của Công đoàn Công ty.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2021	1.177.961.830.000	941.847.178.493	469.479.528.461	2.589.288.536.954
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	467.759.648.912	467.759.648.912
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	92.729.753.699	(92.729.753.699)	-
Cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 (Thuyết minh 25)	-	-	(117.796.183.000)	(117.796.183.000)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 (Thuyết minh 25)	-	-	(176.694.274.500)	(176.694.274.500)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 (Thuyết minh 22)	-	-	(23.580.023.466)	(23.580.023.466)
Tạm ứng vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 (Thuyết minh 22)	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2022	1.177.961.830.000	1.034.576.932.192	495.438.942.708	2.707.977.704.900
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển (*)	117.791.510.000	(117.791.510.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	479.539.723.632	479.539.723.632
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	106.377.639.851	(106.377.639.851)	-
Cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 (Thuyết minh 25)	-	-	(117.796.183.000)	(117.796.183.000)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 25)	-	-	(194.363.001.000)	(194.363.001.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 (Thuyết minh 22)	-	-	(14.540.899.706)	(14.540.899.706)
Tạm ứng vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 22)	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	1.295.753.340.000	1.023.163.062.043	511.900.942.783	2.830.817.344.826

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Ngày 22 tháng 7 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quyết định 41/QĐ-HĐQT về việc thông qua kết quả phát hành 11.779.151 cổ phiếu phổ thông, tương đương với 117.792 triệu VND (mệnh giá 10.000 đồng trên một cổ phiếu) cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐTN-2022 ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông. Ngày 26 tháng 7 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 4831/UBCK-QLCB xác nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	129.575.334	1.295.753.340.000	117.796.183	1.177.961.830.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	129.575.334	1.295.753.340.000	117.796.183	1.177.961.830.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	129.575.334	1.295.753.340.000	117.796.183	1.177.961.830.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2022		2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	117.796.183	1.177.961.830.000	117.796.183	1.177.961.830.000
Phát hành cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển	11.779.151	117.791.510.000	-	-
Số dư cuối năm	129.575.334	1.295.753.340.000	117.796.183	1.177.961.830.000

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2021 bằng tiền trị giá 117.796 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ) (2021: 117.796 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ)).

Ngày 3 tháng 11 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua nghị quyết về việc tạm ứng khoản cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2022 trị giá 194.363 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 15% vốn điều lệ) (2021: 176.694 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 15% vốn điều lệ)).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê đất**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	10.861.998.125	10.861.998.125
Từ hai đến năm năm	44.201.976.835	44.201.976.835
Trên năm năm	243.352.642.591	254.214.640.716
	298.416.617.551	309.278.615.676

(b) Ngoại tệ

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	42.694	997.322.029	96.398	2.177.137.763

Công ty Cổ phần Nhựa Thiệu niên Tiên Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty cổ thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan	Nợ không thu hồi được	2022	16.499.693.934	-

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	56.610.270.109	21.607.267.431

28. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	5.634.104.110.169	4.892.004.646.237
▪ Doanh thu khác	199.431.503.024	103.471.560.832
	5.833.535.613.193	4.995.476.207.069
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu, bồi khấu	(129.148.773.018)	(157.045.561.595)
▪ Hàng bán bị trả lại	(10.973.940.315)	(11.639.846.751)
▪ Giảm giá hàng bán	(8.300.483.093)	(3.266.236.505)
	(148.423.196.426)	(171.951.644.851)
Doanh thu thuần	5.685.112.416.767	4.823.524.562.218

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Giá vốn hàng bán**

	2022	2021
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	4.090.476.292.147	3.589.573.728.830
▪ Giá vốn khác	203.792.219.874	93.063.183.857
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	265.776.921	(27.666.431)
	<hr/> 4.294.534.288.942	<hr/> 3.682.609.246.256

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	46.690.323.084	36.354.967.423
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.001.660.976	2.655.979.229
Cổ tức được chia	8.694.911.428	5.804.429.500
	<hr/> 64.386.895.488	<hr/> 44.815.376.152

31. Chi phí tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	78.639.277.456	41.404.493.800
Chiết khấu thanh toán	50.841.926.444	33.037.932.074
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.452.289.071	1.371.869.517
	<hr/> 141.933.492.971	<hr/> 75.814.295.391

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí bán hàng**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	37.654.182.211	34.418.832.021
Chiết khấu trả cho trung tâm phân phối sản phẩm và đơn vị bán hàng	295.082.738.763	220.612.974.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.834.047.537	17.880.784.054
Chi phí vận chuyển	129.747.200.477	88.226.539.974
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	74.355.656.867	38.251.833.220
Chi phí bán hàng khác	62.693.838.014	38.046.714.099
	<hr/> 620.367.663.869	<hr/> 437.437.678.262

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	71.681.611.998	65.910.184.357
Chi phí khấu hao và phân bổ	33.553.780.588	24.465.849.261
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.606.748.661)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	50.749.590.044	46.803.686.127
	<hr/> 154.378.233.969	<hr/> 137.179.719.745

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	3.859.052.761.623	3.389.098.728.266
Chiết khấu trả cho trung tâm phân phối sản phẩm và đơn vị bán hàng	295.082.738.763	220.612.974.894
Chi phí nhân công và nhân viên	380.811.765.574	356.010.996.342
Chi phí khấu hao và phân bổ	158.563.557.791	153.123.376.265
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.606.748.661)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	339.607.928.567	247.875.714.069
Chi phí khác	68.655.306.041	64.793.258.875
	<hr/> 68.655.306.041	<hr/> 64.793.258.875



Công ty Cổ phần Nhựa Thiêu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	84.652.427.020	83.330.178.645
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Ảnh hưởng của lợi nhuận chưa thực hiện trong tài sản cố định hữu hình	287.432.256	(54.992.920)
Chi phí thuế thu nhập	84.939.859.276	83.275.185.725

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	564.479.582.908	551.034.834.637
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	112.895.916.582	110.206.966.927
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	(16.357.815.747)	(14.632.265.982)
Thu nhập không bị tính thuế	(6.615.881.047)	(5.675.656.942)
Ưu đãi thuế của công ty con	(8.178.907.874)	(7.316.132.991)
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.196.547.362	691.628.378
Khác	-	646.335
	84.939.859.276	83.275.185.725

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- Công ty và Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong – một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.
- Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2013 đến năm 2027) và mức thuế suất phổ thông cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận tính thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về Cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2022 VND	2021 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	479.539.723.632	467.759.648.912
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(45.582.110.105)	(44.173.568.625)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	433.957.613.527	423.586.080.287
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (số cổ phiếu) (Thuyết minh (36(b)))	129.575.334	129.575.334
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.349	3.269

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 45.582 triệu VND.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiêu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm

	2022	2021 Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	117.796.183	117.796.183
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển sau ngày kết thúc kỳ kế toán	11.779.151	11.779.151
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	129.575.334	129.575.334

(c) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quyết định 41/QĐ-HĐQT về việc thông qua kết quả phát hành 11.779.151 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐTN-2022 ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông. Vì vậy, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng bị thay đổi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại như sau:

	2021	
	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền Số cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	117.796.183	3.596
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển	11.779.151	(327)
Số điều chỉnh lại	129.575.334	3.269

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Các công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam</i>		
Bán hàng hóa	134.739.453.360	224.483.847.013
Mua hàng hóa, dịch vụ	248.685.558.501	104.701.830.415
Hàng bán bị trả lại	840.071.168	1.259.471.661
Phí bản quyền (*)	3.400.000.000	3.400.000.000
<i>Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	36.261.827.079	25.795.561.626
Cổ tức được chia	499.775.000	599.730.000
Doanh thu bán hàng hóa	29.140.000	16.630.000
Thu hồi lại khoản cho vay	15.461.572.866	-
Công ty liên quan khác		
<i>Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải</i>		
Chiết khấu, bồi khấu	-	12.082.471.544
Hàng bán trả lại	142.162.700	240.987.550
<i>Công ty TNHH Sekisui Việt Nam</i>		
Bán hàng hóa	5.723.192.571	3.577.727.273
Mua hàng hóa	556.657.409.286	597.020.525.164
Hàng bán trả lại	15.827.454	12.518.950
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong</i>		
Bán hàng hóa	36.460.000	30.150.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	73.531.010.180	66.408.240.080
Mua tài sản cố định hữu hình	-	933.335.000
Cho vay	-	3.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	-	3.000.000.000
Thu nhập lãi vay	-	63.013.066

(*) Theo các hợp đồng về chuyển giao công nghệ phụ ngày 1 tháng 8 năm 2018 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam (công ty liên kết), Công ty Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam có quyền và đã chuyển giao công nghệ phụ, được nhận từ Công ty TNHH Hóa chất Sekisui, cho Công ty để Công ty sản xuất, sử dụng và chào bán một số sản phẩm dựa trên các bí quyết công nghệ này. Công ty trả phí bản quyền là 3.400 triệu VND một năm cho Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt**

	2022	2021
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao, thưởng và phúc lợi khác		
Ông Đặng Quốc Dũng – Chủ tịch	4.322.710.128	3.352.341.875
Ông Noboru Kobayashi – Phó chủ tịch	904.000.000	884.500.000
Ông Nguyễn Việt Phương – Thành viên	271.000.000	177.000.000
Ông Đào Anh Thắng – Thành viên	919.080.000	918.630.000
Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	4.218.706.499	3.387.176.659
Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao, thưởng và phúc lợi khác	3.329.506.168	2.698.561.261
Những người quản lý khác		
Lương, thưởng và phúc lợi khác (không bao gồm các khoản đã trình bày ở trên)	7.124.544.540	5.192.609.115

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Bù trừ khoản phải thu về cho vay và khoản phải trả	15.461.572.866	-

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

23-03-2023

